

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021 /DS - ST

Ngày: 27- 5- 2021

V/V “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH T

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tổng Thị Hà
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Hoàng Văn Lược
2/ Bà Đặng Thị Thỏ

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST - DS ngày 08 tháng 02 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/QĐST-DS ngày 06/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị N - sinh năm 1968

Địa chỉ: SN 19 Nguyễn Đức Cảnh, tổ 2, khu phố 4, phường B, thị xã B, tỉnh T(Có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S - sinh năm 1958

Địa chỉ: SN 02 đường Phạm Bành, khu phố 2, phường L, thị xã B, tỉnh T(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/01/2021, tại bản tự khai nguyên đơn- bà Mai Thị N trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên ngày 10/7/2017 bà đã tin tưởng cho bà Nguyễn Thị S vay số tiền 50.000.000đ. Khi vay, bà S có nói vay hộ cho một chủ doanh nghiệp nào đó(bà không nhớ tên) để khắc phục dự án và hứa sẽ trả nợ cho bà khi xong việc. Nhưng từ đó đến nay bà đòi nhiều lần bà S không trả mà còn chửi bới, lăng mạ, xúc phạm và đe dọa bà. Vì vậy nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà S phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 50.000.000đ cộng với tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn- bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà thừa nhận có việc vay bà N 50.000.000đ

nhưng sau thời gian vay(10/7/2017) với lãi suất cao, tầm khoảng 1 tháng bà đã đến nhà bà N trả hết số nợ này. Bà N còn cho lại bà 120.000đ đến 150.000đ, bà N có hỏi bà “ bà có lấy lại giấy nợ không?” thì bà nói là đưa cũng được không đưa cũng được, bà N nói “chị em mình cả, lo gì”. Vậy nên bà đưa tiền cho bà N và đi về. Tôi với bà N kết bạn zalo với nhau 2 năm nay rồi chị em thỉnh thoảng vẫn thỉnh thoảng nói chuyện với nhau, bà N không hề đòi nợ bà, hay nhắc đến món nợ này vậy mà bây giờ lại đưa bà ra Tòa. Vậy bà xin Tòa án để cho bà một thời gian để bà tìm chứng cứ để chứng minh cho sự việc trên.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thị xã B đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều đã được tiếp cận với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ , trong đó có giấy viết tay thể hiện việc bà Sâm vay bà Nguyệt 50.000.000đ(bản gốc). Tại buổi hòa giải hai bên không thông nh ất được quan điểm, bà N yêu cầu bà Sâm phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 50.000.000đ và không yêu cầu bà S phải trả tiền lãi, bà Sâm không đồng ý vì bà khẳng đị nh đã trả tiền cho bà N.

Tại phiên tòa hôm nay, Bà N yêu cầu bà Sâm trả số tiền 50.000.000đ và lãi suất tính từ ngày vay đến ngày xét xử, bà S khẳng định số tiền trên bà đã trả cho bà N nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến phát biểu của các đương sự, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Mai Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết buộc bà Nguyễn Thị S phải thanh toán cho bà số tiền nợ 50.000.000đ. Đây là quan hệ pháp luật “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự .Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường L, thị xã Bi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

.....
[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

- Về khoản nợ gốc: Xét yêu cầu của bà N đề nghị bà S phải có trách nhiệm thanh toán số nợ gốc 50.000.000đ. HĐXX thấy yêu cầu của bà N là hoàn toàn có cơ sở, vì việc vay nợ giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, thỏa thuận có viết giấy nhận nợ. Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn- bà Mai Thị N đã cung cấp được giấy vay tiền gốc ngày 10/7/2017. Bị đơn- bà Nguyễn Thị S khẳng định đã trả số tiền 50.000.000đ cho bà N. Tuy nhiên, bà S không có chứng cứ gì chứng minh cho việc bà đã trả số tiền 50.000.000đ cho bà N. Tòa án đã yêu cầu bà S cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện việc

bà đã trả nợ số tiền 50.000.000đ cho bà N nhưng bà S không cung cấp được . Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật. Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự, HĐXX cần buộc bà S phải thanh toán cho bà N số tiền gốc là 50.000.000đ là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về khoản lãi suất bà N yêu cầu bà S trả lãi từ ngày vay đến ngày xét xử: HĐXX xét thấy căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết:03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi thì Tòa án không giải quyết vì đã hết thời hiệu khởi kiện. Tại Điều 429 Bộ luật Dân sự: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 3 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*. Tại hợp đồng vay thể hiện bà S vay ngày 10/7/2017 hẹn ngày 25/7/2017 sẽ trả. Bà N làm đơn khởi kiện đến Tòa án ngày 28/01/2021 đã quá thời hạn 3 năm. Vì vậy, thời hiệu yêu cầu về lãi suất của bà N đã hết nên không chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S là người cao tuổi (trên 60 tuổi) có đơn đề nghị miễn tiền án phí. HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật để miễn án phí cho bà . Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Mai Thị N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
- Điều 463, Khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội

- Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị N

Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả cho bà Mai Thị N số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Không chấp nhận phần yêu cầu tính lãi suất từ ngày vay đến ngày xét xử của bà Mai Thị N vì hết thời hiệu yêu cầu.

Khi án có hiệu lực pháp luật, bà N có đơn đề nghị thi hành án, nếu bà S không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng bà S phải chịu thêm khoản lãi suất do Ngân hàng quy định tương ứng với số tiền gốc chậm trả và thời gian chưa thi hành án(Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự).

Về án phí: Bà Nguyễn Thị S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Mai Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2017/0007177 ngày 04/02/2021 bà Nguyệt đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự B, tỉnh T.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các đương sự . Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/5/2021).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Thị xã B ;
- Đương sự;
- THA Dân sự TX B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TỔNG THỊ HÀ

